

BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN HIMEL



CẦU DAO TỰ ĐỘNG MCB

THIẾT BỊ TÂY BAN NHA

Phù hợp với tiêu chuẩn IEC 60899-1
Khả năng ngắt mạch: 6000A
Điện áp: 230/400 VAC
Số cực: 1P, 2P, 3P, 4P

Loại đường cong C
Kích thước: 18mm

Hình Ảnh	Số Cực	Dòng định mức (A)	Mô Tả	Mã Hàng	Đơn Giá VND
	1P 6kA	6	MCB 1P 6A 6kA	HDB3WN1C6	78,000
		10	MCB 1P 10A 6kA	HDB3WN1C10	78,000
		16	MCB 1P 16A 6kA	HDB3WN1C16	78,000
		20	MCB 1P 20A 6kA	HDB3WN1C20	78,000
		25	MCB 1P 25A 6kA	HDB3WN1C25	78,000
		32	MCB 1P 32A 6kA	HDB3WN1C32	78,000
		40	MCB 1P 40A 6kA	HDB3WN1C40	78,000
		50	MCB 1P 50A 6kA	HDB3WN1C50	90,000
		63	MCB 1P 63A 6kA	HDB3WN1C63	90,000
	2P 6kA	6	MCB 2P 6A 6kA	HDB3WN2C6	167,000
		10	MCB 2P 10A 6kA	HDB3WN2C10	167,000
		16	MCB 2P 16A 6kA	HDB3WN2C16	167,000
		20	MCB 2P 20A 6kA	HDB3WN2C20	167,000
		25	MCB 2P 25A 6kA	HDB3WN2C25	167,000
		32	MCB 2P 32A 6kA	HDB3WN2C32	167,000
		40	MCB 2P 40A 6kA	HDB3WN2C40	167,000
		50	MCB 2P 50A 6kA	HDB3WN2C50	192,000
		63	MCB 2P 63A 6kA	HDB3WN2C63	192,000
	3P 6kA	6	MCB 3P 6A 6kA	HDB3WN3C6	270,000
		10	MCB 3P 10A 6kA	HDB3WN3C10	270,000
		16	MCB 3P 16A 6kA	HDB3WN3C16	270,000
		20	MCB 3P 20A 6kA	HDB3WN3C20	270,000
		25	MCB 3P 25A 6kA	HDB3WN3C25	270,000
		32	MCB 3P 32A 6kA	HDB3WN3C32	270,000
		40	MCB 3P 40A 6kA	HDB3WN3C40	270,000
		50	MCB 3P 50A 6kA	HDB3WN3C50	311,000
		63	MCB 3P 63A 6kA	HDB3WN3C63	311,000
	4P 6kA	6	MCB 4P 6A 6kA	HDB3WN4C6	475,000
		10	MCB 4P 10A 6kA	HDB3WN4C10	475,000
		16	MCB 4P 16A 6kA	HDB3WN4C16	475,000
		20	MCB 4P 20A 6kA	HDB3WN4C20	475,000
		25	MCB 4P 25A 6kA	HDB3WN4C25	475,000
		32	MCB 4P 32A 6kA	HDB3WN4C32	475,000
		40	MCB 4P 40A 6kA	HDB3WN4C40	475,000
		50	MCB 4P 50A 6kA	HDB3WN4C50	544,000
		63	MCB 4P 63A 6kA	HDB3WN4C63	544,000
Hình Ảnh	Số Cực	Dòng định mức (A)	Mô Tả	Mã Hàng	Đơn Giá VND
	1P 10kA	6	MCB 1P 6A 10kA	HDB9H63A1C6	124,000
		10	MCB 1P 10A 10kA	HDB9H63A1C10	124,000
		16	MCB 1P 16A 10kA	HDB9H63A1C16	124,000
		20	MCB 1P 20A 10kA	HDB9H63A1C20	124,000
		25	MCB 1P 25A 10kA	HDB9H63A1C25	124,000
		32	MCB 1P 32A 10 kA	HDB9H63A1C32	124,000
		40	MCB 1P 40A 10 kA	HDB9H63A1C40	124,000
		50	MCB 1P 50A 10kA	HDB9H63A1C50	149,000
		63	MCB 1P 63A 10kA	HDB9H63A1C63	149,000
		80	MCB 1P 80A 10kA	HDB3W125H1C80	283,000
		100	MCB 1P 100A 10kA	HDB3W125H1C100	283,000
		125	MCB 1P 125A 10kA	HDB3W125H1C125	283,000
	2P 10kA	6	MCB 2P 6A 10kA	HDB9H63A2C6	266,000
		10	MCB 2P 10A 10kA	HDB9H63A2C10	266,000
		16	MCB 2P 16A 10kA	HDB9H63A2C16	266,000
		20	MCB 2P 20A 10kA	HDB9H63A2C20	266,000
		25	MCB 2P 25A 10kA	HDB9H63A2C25	266,000
		32	MCB 2P 32A 10kA	HDB9H63A2C32	266,000
		40	MCB 2P 40A 10kA	HDB9H63A2C40	266,000
		50	MCB 2P 50A 10kA	HDB9H63A2C50	311,000
		63	MCB 2P 63A 10kA	HDB9H63A2C63	311,000
		80	MCB 2P 80A 10kA	HDB3W125H2C80	509,000
		100	MCB 2P 100A 10kA	HDB3W125H2C100	509,000
		125	MCB 2P 125A 10kA	HDB3W125H2C125	509,000
	3P 10kA	6	MCB 3P 6A 10kA	HDB9H63A3C6	431,000
		10	MCB 3P 10A 10kA	HDB9H63A3C10	431,000
		16	MCB 3P 16A 10kA	HDB9H63A3C16	431,000
		20	MCB 3P 20A 10kA	HDB9H63A3C20	431,000
		25	MCB 3P 25A 10kA	HDB9H63A3C25	431,000
		32	MCB 3P 32A 10kA	HDB9H63A3C32	431,000
		40	MCB 3P 32A 10kA	HDB9H63A3C40	431,000
		50	MCB 3P 63A 10kA	HDB9H63A3C50	556,000
		63	MCB 3P 63A 10kA	HDB9H63A3C63	556,000
		80	MCB 3P 80A 10kA	HDB3W125H3C80	829,000
		100	MCB 3P 100A 10kA	HDB3W125H3C100	829,000
		125	MCB 3P 125A 10kA	HDB3W125H3C125	829,000
	4P 10kA	6	MCB 4P 6A 10kA	HDB9H63A4C6	662,000
		10	MCB 4P 10A 10kA	HDB9H63A4C10	662,000
		16	MCB 4P 16A 10kA	HDB9H63A4C16	662,000
		20	MCB 4P 20A 10kA	HDB9H63A4C20	662,000
		25	MCB 4P 25A 10kA	HDB9H63A4C25	662,000
		32	MCB 4P 63A 10kA	HDB9H63A4C32	662,000
		40	MCB 4P 40A 10kA	HDB9H63A4C40	662,000
		50	MCB 4P 50A 10kA	HDB9H63A4C50	770,000
		63	MCB 4P 63A 10kA	HDB9H63A4C63	770,000
		80	MCB 4P 80A 10kA	HDB3W125H4C80	1.054.000
		100	MCB 4P 100A 10kA	HDB3W125H4C100	1.054,000
		125	MCB 4P 125A 10kA	HDB3W125H4C125	1,054,000

Ghi chú: Giá trên đã bao gồm VAT 10%.

CẦU DAO TỰ ĐỘNG RCCB

Thiết bị Tây Ban Nha

Cách ly, đóng ngắt, chống dòng rò điện

Phù hợp tiêu chuẩn IEC 61008-1

Điện áp: 230/400 VAC

Số cực: 2P, 4P

Dòng rò I_{Δn} = 30mA, 100mA

Hình Ảnh	Số Cực	Dòng rò (mA)	Dòng định mức (A)	Mã Hàng	Đơn Giá VNĐ
	2P	SC: 30	10	HDB3VR210SC	646,000
			16	HDB3VR216SC	646,000
			25	HDB3VR225SC	646,000
			40	HDB3VR240SC	646,000
			63	HDB3VR263SC	646,000
			80	HDB3VR280SC	889,000
			100	HDB3VR2100SC	889,000
		YC: 100	10	HDB3VR210YC	750,000
			16	HDB3VR216YC	750,000
			25	HDB3VR225YC	750,000
			40	HDB3VR240YC	750,000
			63	HDB3VR263YC	750,000
			80	HDB3VR280YC	1,027,000
			100	HDB3VR2100YC	1,027,000
	4P	YC: 100	10	HDB3VR410YC	1,027,000
			16	HDB3VR416YC	1,027,000
			25	HDB3VR425YC	1,027,000
			40	HDB3VR440YC	1,027,000
			63	HDB3VR463YC	1,027,000
			80	HDB3VR480YC	1,321,000
			100	HDB3VR4100YC	1,321,000

CẦU DAO CHỐNG RÒ VÀ QUÁ TẢI RCBO

Thiết bị Tây Ban Nha

Bảo vệ chống rò, quá tải, ngắn mạch

Phù hợp với tiêu chuẩn IEC 610091-1

Điện áp 230/400 VAC

Hình ảnh	Dòng định mức	Dòng cắt Icu = 4,5kA		Dòng cắt Icu = 6kA	
		Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	6	HDB3PLEC6	473,000	HDB3LE2C6	583,000
	10	HDB3PLEC10	473,000	HDB3LE2C10	583,000
	16	HDB3PLEC16	473,000	HDB3LE2C16	583,000
	20	HDB3PLEC20	473,000	HDB3LE2C20	583,000
	25	HDB3PLEC25	473,000	HDB3LE2C25	583,000
	32	HDB3PLEC32	473,000	HDB3LE2C32	583,000
	40	HDB3PLEC40	473,000	HDB3LE2C40	583,000
	50			HDB3LE2C50	626,000
	63			HDB3LE2C63	626,000

BẢO VỆ QUÁ ÁP, THẤP ÁP, MẤT PHA, THỬ TỰ PHA

Thiết bị Tây Ban Nha

Hình ảnh	Mô tả	Loại	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	Bảo vệ quá áp, thấp áp, mất pha, thử tự pha	380V	HXJ9380	666,000

Ghi chú: Giá trên đã bao gồm VAT 10%.

CẦU CHÌ**THIẾT BỊ TÂY BAN NHA**

Phù hợp với tiêu chuẩn IEC 60269

Điện áp: 500 VAC

Sử dụng với cầu chì ống chuẩn 10x38 mm

Có đèn cảnh báo

Dòng điện định mức: 2 ~ 100A

Số cực: 1P

Hình ảnh	Sản phẩm	Dòng định mức (A)	Mã hàng	Đơn giá (VND)
	Ruột cầu chì	2	HRT1810382	8,000
		6	HRT1810386	8,000
	Đế cầu chì	32	HRT1832ZXB	47,000
	Ruột cầu chì	100	HRT1600100	99,000
	Đế cầu chì	160	HRT1600ZS	120,000

TỦ PHÂN PHỐI MCB**THIẾT BỊ TÂY BAN NHA**

Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60439-1, IEC 60670

Bảo vệ theo cấp IP30

Khả năng chứa từ 4 đến 36 module

Sử dụng chất liệu nhựa chống cháy

Hình ảnh	Mô tả (AxBxC)	Mã hàng	Đơn giá (VND)
	Tủ âm tường 4 đường	HDPZ50PR4IP30F	138,000
	Tủ âm tường 6 đường	HDPZ50PR6IP30F	211,000
	Tủ âm tường 8 đường	HDPZ50PR8IP30F	341,000
	Tủ âm tường 12 đường	HDPZ50PR12IP30F	424,000
	Tủ âm tường 15 đường	HDPZ50PR15IP30F	464,000
	Tủ âm tường 18 đường	HDPZ50PR18IP30F	677,000
	Tủ âm tường 24 đường	HDPZ50PR24IP30F	1,078,000
	Tủ âm tường 36 đường	HDPZ50PR36IP30F	1,440,000

CHỐNG SÉT LAN TRUYỀN**THIẾT BỊ TÂY BAN NHA**

Điện áp: 385V

Hình ảnh	Mô tả	Số cực	Dòng cắt (kA)	Mã hàng	Đơn giá (VND)
		1P+N	20	HDY3N205	790,000
		1P+N	40	HDY3N405	850,000
		3P+N	40	HDY3N406	1,558,000
	3P+N		80	HDY3N806	2,903,000
			120	HDY3N1206	4,603,000
			160	HDY3N1606	7,079,000

CONTACTOR DẠNG TẾP, MODULAR CONTACTOR**THIẾT BỊ TÂY BAN NHA**

Phù hợp tiêu chuẩn IEC 61095

Điện áp: 220V, Số cực: 2P, 4P

Hình ảnh	Mô tả	Mã hàng	Đơn giá (VND)
	MODULAR CONTACTOR 20A 2P 2NO	HDCH8S20220	575,000
	MODULAR CONTACTOR 25A 2P 2NO	HDCH8S25220	575,000
	MODULAR CONTACTOR 40A 2P 2NO	HDCH8S40220	690,000
	MODULAR CONTACTOR 63A 2P 2NO	HDCH8S63220	757,000

Ghi chú: Giá trên đã bao gồm VAT 10%.

CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG KHÔI MCCB DÒNG CẮT CHUẨN				THIẾT BỊ TÂY BAN NHA	
Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60947-2 Khả năng ngắt dòng ngắn mạch tại AC400V: 20kA, 25kA, 35kA, 50kA,70kA. Số cực: 2P, 3P Dòng định mức: 10A → 1600A					
Hình Ảnh	Số Cực	Dòng cắt (kA)	Dòng định mức (A)	Mã Hàng	Đơn Giá VNĐ
	2P	30kA	10	HDM2125L0102	582,000
			32	HDM2125L0322	820,000
			40	HDM2125L0402	820,000
			50	HDM2125L0502	820,000
			63	HDM2125L0632	946,000
			80	HDM2125L0802	946,000
			100	HDM2125L1002	946,000
			125	HDM2125L1252	946,000
	3P	25kA	10	HDM363S1033XX	841,000
			16	HDM363S1633XX	841,000
			20	HDM363S2033XX	883,000
			25	HDM363S2533XX	883,000
			32	HDM363S3233XX	900,000
			40	HDM363S4033XX	900,000
			50	HDM363S5033XX	900,000
			63	HDM363S6333XX	996,000
			80	HDM3100S8033XX	1,063,000
		25kA	100	HDM3100S10033XX	1,063,000
		35kA	125	HDM3160S12533XX	1,738,000
			160	HDM3160S16033XX	1,738,000
			200	HDM3250S20033XX	2,015,000
			225	HDM3250S22533XX	2,015,000
			250	HDM3250S25033XX	2,015,000
		70kA	315	HDM3400N31533XX	4,742,000
			350	HDM3400N35033XX	4,742,000
			400	HDM3400N40033XX	4,742,000
			500	HDM3630N50033XX	6,017,000
			630	HDM3630N63033XX	6,017,000
			800	HDM3800F80033XX	12,017,000
			1000	HDM31600N100033XX	28,477,000
			1250	HDM31600N125033XX	29,956,000
			1600	HDM31600N160033XX	31,200,000
Hình Ảnh	Điện áp		Shunt trip cho MCCB	Mã Hàng	Đơn Giá VNĐ
	230V		HDM3-63	HDM363MX1A2	597,000
			HDM3-100S	HDM3100SMX1A2	626,000
			HDM3-250	HDM3250MX1A2	626,000
			HDM3-400	HDM3400MX1A2	1,250,000
			HDM3-630	HDM3630MX1A2	1,250,000
			HDM3-800	HDM3800MX1A2R3P	1,250,000
			HDM3-1000/1250/1600	HDM31600MX1A2L	2,692,000

CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG KHÔI - CHỈNH DÒNG CƠ				THIẾT BỊ ĐIỆN TÂY BAN NHA	
Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60947-2 Khả năng ngắt dòng ngắn mạch tại AC400V: 25kA, 36kA, (Icu = Ics) Số cực: 3P Dòng định mức: 20A → 250A					
Hình Ảnh	Số Cực	Dòng cắt (kA)	Dòng định mức (A)	Mã hàng	Đơn Giá VNĐ
	3P	25	20	HDM3SV125B02031T	1,519,000
			25	HDM3SV125B02531T	1,519,000
			32	HDM3SV125B03231T	1,519,000
			40	HDM3SV125B04031T	1,519,000
			50	HDM3SV125B05031T	1,519,000
			63	HDM3SV125B06331T	1,519,000
			80	HDM3SV125B08031T	1,639,000
			100	HDM3SV125B10031T	1,639,000
		36	125	HDM3SV160F12533T	2,316,000
			150	HDM3SV160F15033T	2,316,000
			160	HDM3SV160F16033T	2,316,000
			180	HDM3SV250F18033T	2,760,000
			200	HDM3SV250F20033T	2,760,000
			225	HDM3SV250F22533T	2,760,000
			250	HDM3SV250F25033T	2,760,000

Ghi chú: Giá trên đã bao gồm VAT 10%.

CẦU DAO TỰ ĐỘNG DANG KHỎI - CHỈNH DÒNG ĐIỆN TỬ

THIẾT BỊ ĐIỆN TÂY BAN NHA

Khả năng ngắt dòng ngắn mạch tại AC415V: 50kA
Số cực: 3P
Dòng định mức (In): 100A → 1600A
Dòng cài đặt hiệu chỉnh điện từ (Ir): 0,4-1 In

Hình Ảnh	Số Cực	Dòng cắt (kA)	Dòng định mức (A)	Mã Hàng	Đơn Giá VND
	3P	50kA	80	HDM3E125M8033	4,115,000
			100	HDM3E125M10033	4,115,000
			125	HDM3E125M12533XX	4,115,000
			160	HDM3E250M16033	7,068,000
			200	HDM3E250M20033	7,068,000
			250	HDM3E250M25033XX	7,068,000
			320	HDM3E400M32033	8,313,000
			350	HDM3E400M35033	8,313,000
			400	HDM3E400M40033XX	9,556,000
			500	HDM3E630M50033	13,600,000
			630	HDM3E630M63033XX	13,600,000
			800	HDM3E800M80033XX	15,718,000
	3P	65kA	1000	HDM3E16M103F555L	38,935,000
			1250	HDM3E16M123F555L	40,951,000
			1600	HDM3E16M163F555L	42,567,000

MÁY CẮT KHÔNG KHÍ ACB

THIẾT BỊ ĐIỆN TÂY BAN NHA

Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60947-2
Khả năng ngắt dòng ngắn mạch tại AC415: 65-120kA

Hình Ảnh	Số cực	Dòng cắt ngắn mạch (kA)	Dòng định mức (A)	Mã Hàng	Đơn Giá VND
	3P	65	630	HDW320S063FHNN56M	58,296,000
			800	HDW320S083FHNN56M	61,076,000
			1000	HDW320S103FHNN56M	63,853,000
			1250	HDW320S123FHNN56M	65,243,000
			1600	HDW320S163FHNN56M	68,020,000
			2000	HDW320S203FHNN56M	74,698,000
		85	2500	HDW340S253FHNN54M	127,270,000
	4P	65	3200	HDW340M323FHNN54M	146,364,000
			4000	HDW340M403FHNN54M	230,395,000
			630	HDW320S064FHNN56M	66,632,000
			800	HDW320S084FHNN56M	69,415,000
			1000	HDW320S104FHNN56M	72,189,000
			1250	HDW320S124FHNN56M	77,745,000
			1600	HDW320S164FHNN56M	79,135,000
	3P	65	2000	HDW320S204FHNN56M	87,469,000
			2500	HDW340S254FHNN54M	134,688,000
			3200	HDW340M324FHNN54M	171,511,000
		85	4000	HDW340M404FHNN54M	281,232,000
			630	HDW320S063DHNN56M	76,356,000
			800	HDW320S083DHNN56M	77,783,000
			1000	HDW320S103DHNN56M	79,135,000
			1250	HDW320S123DHNN56M	80,522,000
			1600	HDW320S163DHNN56M	82,040,000
			2000	HDW320S203DHNN56M	90,248,000
	4P	65	2500	HDW340S253DHNN54M	169,114,000
			3200	HDW340M323DHNN54M	200,168,000
			4000	HDW340M403DHNN54M	297,656,000
		85	5000	HDW363M503DHNN54M	320,428,000
			6300	HDW363M633DHNN56M	370,440,000
			630	HDW320S064DHNN56M	84,829,000
			800	HDW320S084DHNN56M	86,038,000
			1000	HDW320S104DHNN56M	87,609,000
			1250	HDW320S124DHNN56M	88,996,000
			1600	HDW320S164DHNN56M	91,775,000
	4P	100	2000	HDW320S204DHNN56M	105,110,000
			2500	HDW340S254DHNN54M	190,015,000
			3200	HDW340M324DHNN54M	224,906,000
			4000	HDW363M404DHNN54M	319,040,000
	4P	120	5000	HDW363M504DHNN54M	346,823,000
			5000	HDW363M504DHNN54M	346,823,000

Ghi chú: Giá trên đã bao gồm VAT 10%.

CONTACTOR

THIẾT BỊ ĐIỆN TÂY BAN NHA

Điện áp: AC/220V
Số cực: 3P

Hình Ảnh	Công suất (kW)	Dòng định mức (A)	NO-NC	Mã Hàng	Đơn Giá VND
	4	9	1-1	HDC30911M7	256,000
	5.5	12	1-1	HDC31211M7	306,000
	7.5	18	1-1	HDC31811M7	451,000
	11	25	1-1	HDC32511M7	521,000
	15	32	1-1	HDC33211M7	724,000
	18	38	1-1	HDC33811M7	884,000
	18.5	40	1-1	HDC34011M7	1,043,000
	22	50	1-1	HDC35011M7	1,143,000
	30	65	1-1	HDC36511M7	1,219,000
	37	80	1-1	HDC38011M7	1,781,000
	45	95	1-1	HDC39511M7	2,119,000
	55	120	2-2	HDC3120KUE7	4,563,000
	75	160	2-2	HDC3160KUE7	4,625,000
	90	185	2-2	HDC3185KUE7	6,105,000
	110	225	2-2	HDC3225KUE7	6,360,000
	132	265	2-2	HDC3265KUE7	9,545,000
	160	330	2-2	HDC3330KUE7	10,760,000
	200	400	2-2	HDC3400KUE7	11,088,000
	250	500	2-2	HDC3500KUE7	21,269,000
	335	630	2-2	HDC3630KUE7	22,495,000

Ghi chú: để chọn điện áp cuộn hút 380V, vui lòng thay thế ký tự "M" bằng ký tự "Q" (giá bán tương đương).

Hình ảnh	Loại	Mô tả	Mã hàng	Đơn giá (VND)
	1NC + 1NO	Tiếp điểm phụ loại lắp ở mặt trên	HF411	105,000
	2NC + 2NO		HF422	167,000

RELAY NHIỆT

THIẾT BỊ ĐIỆN TÂY BAN NHA

Hình Ảnh	Mô Tả	Mã Hàng	Đơn Giá VND
	Relay nhiệt (0.63-1A) dùng cho contactor (9-18)A	HDR3s251	285,000
	Relay nhiệt (1-1.6A) dùng cho contactor (9-18)A	HDR3s251P6	285,000
	Relay nhiệt (1.6-2.5A) dùng cho contactor (9-18)A	HDR3s252P5	285,000
	Relay nhiệt (2.5-4 A) dùng cho contactor (9-18)A	HDR3s254	285,000
	Relay nhiệt (4-6A) dùng cho contactor (9-18)A	HDR3s256	285,000
	Relay nhiệt (5.5-8A) dùng cho contactor (9-18)A	HDR3s258	285,000
	Relay nhiệt (7-10A) dùng cho contactor (9-18)A	HDR3s2510	285,000
	Relay nhiệt (9-13A) dùng cho contactor (9-18)A	HDR3s2513	285,000
	Relay nhiệt (12-18A) dùng cho contactor (9-18)A	HDR3s2518	285,000
	Relay nhiệt (17-25A) dùng cho contactor (25-38)A	HDR3s2525	285,000
	Relay nhiệt (23-32)A dùng cho contactor (25-38)A	HDR3s3832	397,000
	Relay nhiệt (30-40)A dùng cho contactor (40-95)A	HDR3s9340	657,000
	Relay nhiệt (37-50)A dùng cho contactor (40-95)A	HDR3s9350	657,000
	Relay nhiệt (48-65)A dùng cho contactor (40-95)A	HDR3s9365	657,000
	Relay nhiệt (55-70)A dùng cho contactor (40-95)A	HDR3s9370	657,000
	Relay nhiệt (63-80)A dùng cho contactor (40-95)A	HDR3s9380	657,000
	Relay nhiệt (80-93)A dùng cho contactor (40-95)A	HDR3s9393	657,000
	Relay nhiệt (105-135A) dùng cho contactor (120-185)A	HDR3S185135	1,491,000
	Relay nhiệt (120- 150A) dùng cho contactor (120-185)A	HDR3S185150	1,491,000
	Relay nhiệt (150-185A) dùng cho contactor (120-185)A	HDR3S185185	2,606,000
	Relay nhiệt (145-200A) dùng cho contactor (400-630)A	HDR3S630200F	2,896,000
	Relay nhiệt (180-250A) dùng cho contactor (400-630)A	HDR3S630250F	2,896,000
	Relay nhiệt (230-320A) dùng cho contactor (400-630)A	HDR3S630320F	3,053,000

KHOI ĐỘNG TỰ DẠNG HỢP

THIẾT BỊ ĐIỆN TÂY BAN NHA

Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60947-4
Điện áp: 220/380 VAC

Sử dụng cho động cơ 3 pha; AC tần số 50/60HZ
Số cực: 3P

Hình Ảnh	Công suất (kW)	Dòng điện cài đặt (A)	Mã Hàng	Đơn Giá VND
	0.37	1-1.6	HDS318B09Q71P6M	786,000
	0.75	1.6-2.5	HDS318B09Q72P5M	786,000
	1.5	2.5-4	HDS318B09Q704M	786,000
	2.2	4-6	HDS318B09Q706M	786,000
	3	5.5-8	HDS318B09Q708M	786,000
	4	7-10	HDS318B12Q710M	786,000
	5.5	9-13	HDS318B18Q713M	786,000
	7.5	12-18	HDS338B25Q718M	944,000
	11	17-25	HDS338B25Q725M	1,069,000
	15	23-32	HDS338B32Q732M	1,895,000
	18.5	30-40	HDS395B40Q740M	1,999,000
	22	37-50	HDS395B50Q750	2,136,000
	30	48-65	HDS395B65Q765	2,413,000

Ghi chú: Giá trên đã bao gồm VAT 10%.

TỤ BÙ HIMEL - TÂY BAN NHA

THIẾT BỊ ĐIỆN TÂY BAN NHA

Hình Ảnh	Số cực	điện áp (v)	Mô tả	Mã Hàng	Đơn Giá VNĐ
	3P	450V	Tụ bù tròn 3P 5KVAR	HDCAP3V450500603D	992,000
			Tụ bù tròn 3P 7,5kVAR	HDCAP3V450750903D	1,011,000
			Tụ bù tròn 3P 10kVAR	HDCAP3V451001203D	1,030,000
			Tụ bù tròn 3P 12,5kVAR	HDCAP3V451251503D	1,049,000
			Tụ bù tròn 3P 15kVA	HDCAP3V451501803D	1,209,000
			Tụ bù tròn 3P 20kVAR	HDCAP3V452002403E	1,629,000
			Tụ bù tròn 3P 25kVAR	HDCAP3V452503003G	2,049,000
			Tụ bù tròn 3P 30kVAR	HDCAP3V453003603L	2,733,000
			Tụ bù tròn 3P 40kVAR	HDCAP3V454004803L	2,778,000
	3P	450V	Tụ bù vuông 5 kVAR 3P	HBSM00450000503D	992,000
			Tụ bù vuông 10 kVAR 3P	HBSM00450001003D	1,030,000
			Tụ bù vuông 15 kVAR 3P	HBSM00450001503D	1,209,000
			Tụ bù vuông 20 kVAR 3P	HBSM00450002003D	1,810,000
			Tụ bù vuông 25 kVAR 3P	HBSM00450002503D	2,276,000
			Tụ bù vuông 30 kVAR 3P	HBSM00450003003D	2,733,000
			Tụ bù vuông 40 kVAR 3P	HBSM00450004003M	2,778,000
			Tụ bù vuông 50kVAR 3P	HBSM00450005003M	4,515,000
	1P	250V	Tụ bù vuông 60 kVAR 3P	HBSM00450006003M	5,211,000
			Tụ bù vuông 2,5 kVAR 1P	HBSM00250000251D	827,000
			Tụ bù vuông 5 kVAR 1P	HBSM00250000501D	850,000
			Tụ bù vuông 10 kVAR 1P	HBSM00250001001D	1,640,000

CONTACTOR TỤ BÙ

THIẾT BỊ ĐIỆN TÂY BAN NHA

Phù hợp với tiêu chuẩn IEC 60947-4-1 | IEC 60947-5-1
Đồng định mức từ 25-115A
Điện áp 220V/380V

Hình Ảnh	Ứng với công suất tụ (kVAR)	Loại	Mã Hàng	Đơn Giá VNĐ
	15	HDC19s-25	HDC19S2511M7	636,000
	20	HDC19s-32	HDC19S3211M7	955,000
	25	HDC19s-43	HDC19S4311M7	1,274,000
	30	HDC19s-63	HDC19S6312M7	1,513,000
	50	HDC19s-95	HDC19S9512M7	2,595,000
	60	HDC19s-115	HDC19S11512M7	3,148,000

CUỘN KHÁNG

THIẾT BỊ ĐIỆN TÂY BAN NHA

Hình Ảnh	Mô Tả	Mã Hàng	Đơn Giá VNĐ
	Cuộn kháng lọc sóng hài 7% cho tụ bù 10kVAR 450V	HKSGL0P7G045H7	4,619,000
	Cuộn kháng lọc sóng hài 7% cho tụ bù 15kVAR 450V	HKSGL1P05G045H7	4,825,000
	Cuộn kháng lọc sóng hài 7% cho tụ bù 20kVAR 450V	HKSGL1P4G045H7	5,031,000
	Cuộn kháng lọc sóng hài 7% cho tụ bù 25kVAR 450V	HKSGL1P75G045H7	5,237,000
	Cuộn kháng lọc sóng hài 7% cho tụ bù 30kVAR 450V	HKSGL2P1G045H7	5,949,000
	Cuộn kháng lọc sóng hài 7% cho tụ bù 40kVAR 450V	HKSGL2P8G045H7	6,661,000
	Cuộn kháng lọc sóng hài 7% cho tụ bù 50kVAR 450V	HKSGL3P5G045H7	7,955,000

BỘ ĐIỀU KHIỂN TỤ BÙ

THIẾT BỊ ĐIỆN TÂY BAN NHA

Hình Ảnh	Mô Tả	Mã Hàng	Đơn Giá VNĐ
	Bộ điều khiển tụ bù 220V 4 cấp	HJKL2CVM4S	2,032,000
	Bộ điều khiển tụ bù 220V 6 cấp	HJKL2CVM6S	2,474,000
	Bộ điều khiển tụ bù 220V 12 cấp	HJKL2CVM12S	3,494,000
	Bộ điều khiển tụ bù 380V 4 cấp	HJKL5CVQ4S	2,032,000
	Bộ điều khiển tụ bù 380V 6 cấp	HJKL5CVQ6S	2,474,000
	Bộ điều khiển tụ bù 380V 12 cấp	HJKL5CVQ12S	3,494,000
	Bộ điều khiển tụ bù thông minh 12 cấp	HJKF5CV12Z	7,392,000

Ghi chú: Giá trên đã bao gồm VAT 10%.

CÔNG TẮC XOAY, NÚT NHẤN, ĐÈN BÁO PHA HLAY7**THIẾT BỊ ĐIỆN TÂY BAN NHA**

Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60947-5
Bảo vệ theo cấp IP55/IP65
Màu sắc đa dạng / tuổi thọ cao

CÔNG TẮC XOAY PHI 22

Hình Ảnh	Màu sắc	NO	NC	Mã Hàng	Đơn Giá VND
	Đen	1	1	HLAY711XB2022	64,000
		1	1	HLAY711XB2122	64,000
		1	1	HLAY711XB3022	64,000
		2	-	HLAY720XB3022	64,000
		2	-	HLAY720XB3322	64,000

NÚT NHẤN PHI 22

Hình Ảnh	Màu sắc	NO	NC	Mã Hàng	Đơn Giá VND
	Đen	1	1	HLAY711BN22	64,000
	Xanh lá	1	1	HLAY711BN32	64,000
	Đỏ	1	1	HLAY711BN42	64,000
	Vàng	1	1	HLAY711BN52	64,000
	Xanh dương	1	1	HLAY711BN62	64,000
	Đỏ	1	1	HLAY711ZS42	91,000

ĐÈN BÁO PHA PHI 22

Hình Ảnh	Màu sắc	Điện áp (v)	Đèn báo	Mã Hàng	Đơn Giá VND
	Xanh lá	AC240V	LED	HLD1222PAG	31,000
	Đỏ			HLD1222PAR	31,000
	Vàng			HLD1222PAY	31,000
	Xanh dương			HLD1222PAB	31,000

CÔNG TẮC XOAY, NÚT NHẤN, ĐÈN BÁO PHA HLAY5**THIẾT BỊ ĐIỆN TÂY BAN NHA**

Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60947-5
Bảo vệ theo cấp IP55/IP65
Màu sắc đa dạng / tuổi thọ cao

CÔNG TẮC XOAY PHI 22

Hình Ảnh	Màu sắc	NO	NC	Mã Hàng	Đơn Giá VND
	Đen	1	-	HLAY5ED21	67,000
		2	-	HLAY5ED33	79,000

NÚT NHẤN PHI 22

Hình Ảnh	Màu sắc	NO	NC	Mã Hàng	Đơn Giá VND
	Xanh lá	1	-	HLAY5EA31	67,000
	Đỏ	-	1	HLAY5EA42	67,000
	Đỏ	-	1	HLAY5ES542	84,000

NÚT NHẤN CÓ ĐÈN PHI 22

Hình Ảnh	Màu sắc	Điện áp (v)	Đèn báo	Mã Hàng	Đơn Giá VND
	Xanh lá	AC220V	LED	HLAY5EW33M5L	131,000
	Đỏ			HLAY5EW34M5L	131,000

TIẾP ĐIỂM PHI 22

Hình Ảnh	Màu sắc	NO	NC	Mã Hàng	Đơn Giá VND
	Đen	1	-	HLAY5BE101	19,000
		-	1	HLAY5BE102	19,000

Ghi chú: Giá trên đã bao gồm VAT 10%.



PHÍCH VÀ Ổ CẮM CÔNG NGHIỆP THIẾT BỊ ĐIỆN TÂY BAN NHA

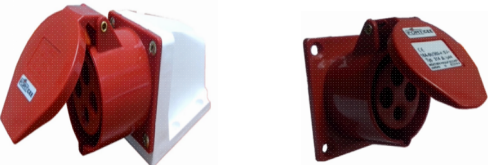
PHÍCH CẮM DI ĐỘNG					
Hình Ảnh	Dòng định mức (A)	Điện áp (v)	Số cực	Mã Hàng	Đơn Giá VND
	16	AC 230	3P, 6H	HDPM316IP44	101,000
		AC 415	4P, 6H	HDPM416IP44	131,000
			5P, 6H	HDPM516IP44	146,000
	32	AC 230	3P, 6H	HDPM332IP44	176,000
		AC 415	4P, 6H	HDPM432IP44	192,000
			5P, 6H	HDPM532IP44	222,000
	63	AC 230	3P, 6H	HDPM363IP67	1,018,000
		AC 415	4P, 6H	HDPM463IP67	1,062,000
			5P, 6H	HDPM563IP67	1,092,000
	125	AC 230	3P, 6H	HDPM3125IP67	1,934,000
		AC 415	4P, 6H	HDPM4125IP67	2,392,000
			5P, 6H	HDPM5125IP67	2,698,000

Ổ CẮM NỔI DI ĐỘNG					
Hình Ảnh	Dòng định mức (A)	Điện áp (v)	Số cực	Mã Hàng	Đơn Giá VND
	16	AC 230	3P, 6H	HDSF316IP44	131,000
		AC 415	4P, 6H	HDSF416IP44	179,000
			5P, 6H	HDSF516IP44	192,000
	32	AC 230	3P, 6H	HDSF332IP44	206,000
		AC 415	4P, 6H	HDSF432IP44	238,000
			5P, 6H	HDSF532IP44	329,000
	63	AC 230	3P, 6H	HDSF363IP67	1,200,000
		AC 415	4P, 6H	HDSF463IP67	1,231,000
			5P, 6H	HDSF563IP67	1,246,000
	125	AC 230	3P, 6H	HDSF3125IP67	2,545,000
		AC 415	4P, 6H	HDSF4125IP67	2,851,000
			5P, 6H	HDSF5125IP67	3,001,000
	16	AC 230	3P, 6H	HDPS316230	468,000
				HDPS416230	556,000

PHÍCH VÀ Ổ CẮM CÔNG NGHIỆP THIẾT BỊ ĐIỆN TÂY BAN NHA

Ổ CẮM CỐ ĐỊNH					
Hình Ảnh	Dòng định mức (A)	Điện áp (v)	Số cực	Mã Hàng	Đơn Giá VND
	16	AC 230	3P, 6H	HDSF316IP44	192,000
		AC 415	4P, 6H	HDSF416IP44	238,000
			5P, 6H	HDSF516IP44	253,000
	32	AC 230	3P, 6H	HDSF332IP44	253,000
		AC 415	4P, 6H	HDSF432IP44	283,000
			5P, 6H	HDSF532IP44	299,000
	63	AC 230	3P, 6H	HDSF363IP67	1,079,000
		AC 415	4P, 6H	HDSF463IP67	1,122,000
			5P, 6H	HDSF563IP67	1,169,000
	125	AC 230	3P, 6H	HDSF3125IP67	3,307,000
		AC 415	4P, 6H	HDSF4125IP67	3,462,000
			5P, 6H	HDSF5125IP67	3,614,000

Ổ CẮM CÔNG NGHIỆP FORT THIẾT BỊ ĐIỆN TÂY BAN NHA

Hình Ảnh	Mô tả	Mã Hàng	Đơn Giá VND
	Ổ cắm cố định không để 1P+N+E 16A	CEE-313 3P 16A	58,000
	Ổ cắm cố định không để 1P+N+E 32A	CEE-323 3P 32A	71,000
	Ổ cắm cố định không để 3P+E 32A	CEE-324 4P 32A	86,000
	Ổ cắm cố định không để 3P+N+E 32A	CEE-325 5P 32A	100,000
	Ổ cắm công nghiệp 3P 16A	CEE-113 3P 16A	142,000
	Ổ cắm công nghiệp 3P 32A	CEE-123 3P 32A	185,000
	Ổ cắm công nghiệp 4P 32A	CEE-124 4P 32A	199,000
	Ổ cắm công nghiệp 5P 32A	CEE-125 5P 32A	217,000

Ghi chú: Giá trên đã bao gồm VAT 10%.

BẢNG GIÁ BIẾN TẦN HIMEL

THIẾT BỊ ĐIỆN TÂY BAN NHA

Hình ảnh	Ứng dụng	Mã hàng	Công suất		Đơn giá VNĐ
			kW	HP	
	Ứng dụng: Tải nhẹ - Băng tải nông nghiệp - Máy đóng gói - Máy công nghiệp nhẹ - Bơm cấp thoát nước - Quạt thổi/Quạt hút - Quạt tạo	HAVBA2S0007G	0.75	1	3,450,000
		HAVBA2S0015G	1.5	2	4,210,000
		HAVBA2S0022G	2.2	3	4,858,000
		HAVBA4T0007G	0.75	1	4,576,000
		HAVBA4T0015G	1.5	2	4,816,000
		HAVBA4T0022G	2.2	3	5,294,000
		HAVBA4T0040G	4.0	5.5	6,576,000
		HAVBA4T0055G	5.5	7.5	8,011,000
	Ứng dụng: Dùng cho Quạt và Bơm - Bơm cấp thoát nước - Bơm tuần hoàn - Bơm định lượng - Bơm chữa cháy - Quạt thổi/Quạt hút - Quạt thông gió - Quạt chữa cháy	HAVSP4T0075P	7.5	10	10,757,000
		HAVSP4T0110P	11.0	15	13,291,000
		HAVSP4T0150P	15.0	20	15,178,000
		HAVSP4T0185P	18.5	25	19,093,000
		HAVSP4T0220P	22.0	30	20,937,000
		HAVSP4T0300P	30.0	40	29,469,000
		HAVSP4T0370P	37.0	50	33,310,000
		HAVSP4T0450P	45.0	60	42,634,000
		HAVSP4T0550P	55.0	75	48,139,000
		HAVSP4T0750P	75.0	100	64,258,000
		HAVSP4T0900P	90.0	120	76,096,000
		HAVSP4T0110P	110.0	145	83,815,000
		HAVSP4T01320P	132.0	175	103,048,000
		HAVSP4T01600P	160.0	215	139,178,000

BẢNG GIÁ BIẾN TẦN HIMEL

THIẾT BỊ ĐIỆN TÂY BAN NHA

Hình ảnh	Ứng dụng	Mã hàng	Công suất		Đơn giá VNĐ
			kW	HP	
	Ứng dụng: Tải nặng - Băng tải khoáng sản - Băng tải nông sản - Máy giặt công nghiệp - Máy đóng bao - Hệ thống lạnh - Máy ly tâm - Máy đun - Máy trộn - Máy sấy - Cầu trục nâng hạ	HAVXS2S0015G	1.5	2	6,646,000
		HAVXS2S0022G	2.2	3	6,787,000
		HAVXS2T0015G	1.5	2	7,350,000
		HAVXS2T0022G	2.2	3	7,632,000
		HAVXS2T0055G	5.5	7.5	10,729,000
		HAVXS2T0075G	7.5	10	12,560,000
		HAVXS2T0110G	11.0	15	19,374,000
		HAVXS2T0150G	15.0	20	20,167,000
		HAVXS2T0220G	22.0	30	26,780,000
		HAVXS4T0007G	0.75	1	6,054,000
		HAVXS4T0015G	1.5	2	6,589,000
		HAVXS4T0022G	2.2	3	6,857,000
		HAVXS4T0040G0055P	4.0	5.5	7,645,000
		HAVXS4T0055G0075P	5.5	7.5	9,574,000
		HAVXS4T0075G0110P	7.5	10	11,970,000

Ghi chú: Giá trên đã bao gồm VAT 10%.

Hình ảnh	Ứng dụng	Mã hàng	Công suất		Đơn giá VND
			kW	HP	
	Ứng dụng: Tải nặng - Băng tải khoáng sản - Băng tải nông sản - Máy giặt công nghiệp - Máy đóng bao - Hệ thống lạnh - Máy ly tâm - Máy đun - Máy trộn - Máy sấy - Cầu trục nâng hạ	HAVXS4T0110G0150P	11.0	15	13,672,000
		HAVXS4T0150G0185P	15.0	20	15,728,000
		HAVXS4T0185G0220P	18.5	25	20,050,000
		HAVXS4T0220G0300P	22.0	30	24,400,000
		HAVXS4T0300G0370P	30.0	40	32,285,000
		HAVXS4T0370G0450P	37.0	50	34,960,000
		HAVXS4T0450G0550P	45.0	60	47,083,000
		HAVXS4T0550G0750P	55.0	75	51,758,000
		HAVXS4T0750G0900P	75.0	100	67,640,000
		HAVXS4T0900G1100P	90.0	120	80,101,000
		HAVXS4T1100G1320P	110.0	145	88,226,000
		HAVXS4T1320G1600P	132.0	175	108,472,000
		HAVXS4T1600G1850P	160	215	146,502,000

ĐỒNG HỒ ĐO ĐIỆN TỬ

THIẾT BỊ ĐIỆN TÂY BAN NHA

Kiểm tra thông mạch: Còi báo

Hình ảnh	Mô tả	Mã hàng	Đơn giá(VND)
	Ampe kim đo dòng AC 600A	HHEDCM	750,000
Hình ảnh	Mô tả	Mã hàng	Đơn giá(VND)
	Đồng hồ vạn năng điện tử VOM	HHEDMM	650,000

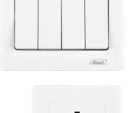
MOTOR PROTECTOR

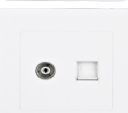
THIẾT BỊ ĐIỆN TÂY BAN NHA

Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60947-1, 60947-2 & 60947-4-1
Điện áp: 400/415 VAC
Tần số: 50/60 Hz
Số cực: 3P

Hình Ảnh	Công suất (kW)	Dòng điện cài đặt (A)	Dòng điện bảo vệ từ (A)	Mã Hàng	Đơn Giá VND
	-	0,1~0,16	-	HDP632P16	758,000
	0.06	0,16~0,25	-	HDP632P25	758,000
	0.09	0,25~0,4	4.8	HDB632P4	758,000
	0.12	0,4~0,63	7.56	HDP632P63	758,000
	0.25	0,63~1	12	HDP6321	758,000
	0.37	1~1,6	19.2	HDP6321P6	758,000
	0.75	1,6~2,5	30	HDP6322P5	758,000
	1.5	2,5~4	48	HDP6324	758,000
	2.2	4~6,3	75.6	HDP6326P3	758,000
	4	6~10	120	HDP63210	758,000
	5.5	9~14	168	HDP63214	841,000
	7.5	13~18	216	HDP63218	841,000
	11	17~23	276	HDP63223	841,000
	11	20~25	300	HDP63225	841,000
	15	24~32	384	HDP63232	841,000
	Tiếp điểm phụ mặt bên 1NO+1NC			HAN11	200,000

Ghi chú: Giá trên đã bao gồm VAT 10%.

CÔNG TẮC, Ổ CẮM DÂN DỤNG PRIME V2		THIẾT BỊ ĐIỆN TÂY BAN NHA	
Hình Ảnh	Mô Tả	Mã Hàng	Đơn Giá VND
               	Công tắc đơn 1 chiều dạng vuông	HWDPB1G1W	50,000
	Công tắc đơn 2 chiều dạng vuông	HWDPB1G2W	59,000
	Công tắc đôi 1 chiều dạng vuông	HWDPB2G1W	76,000
	Công tắc đôi 2 chiều dạng vuông	HWDPB2G2W	83,000
	Công tắc ba 1 chiều dạng vuông	HWDPB3G1W	91,000
	Công tắc ba 2 chiều dạng vuông	HWDPB3G2W	108,000
	Công tắc bốn 1 chiều dạng vuông	HWDPB4G1W	116,000
	Công tắc bốn 2 chiều dạng vuông	HWDPB4G2W	133,000
	Công tắc năm 1 chiều	HWDP5G1W	132,000
	Công tắc sáu 1 chiều	HWDP6G1W	139,000
	Công tắc chuông cửa dạng vuông	HWDPBDB	72,000
	Ổ cắm đơn dạng vuông	HWDPMF	108,000
	Ổ cắm đơn có công tắc dạng vuông	HWDPMFS	130,000
	Ổ cắm đơn có công tắc và đèn báo dạng vuông	HWDPMFSEN	133,000
	Mặt tròn	HWDPBP3	41,000
	Ổ cắm đôi 5 chấu dạng vuông	HWDP5PS	121,000
	Ổ cắm đôi 5 chấu có công tắc dạng vuông	HWDP5PSS	151,000
	Ổ cắm đôi 5 chấu có công tắc và đèn báo dạng vuông	HWDP5PSSN	160,000
	Ổ cắm đôi 5 chấu có công tắc, đèn báo và 2 cổng USB	HWDPSPSSNUSB	352,000
	Ổ cắm đôi 5 chấu 2 cổng USB	HWDP5PSSN2USB	436,000
	Công tắc 20A có đèn báo dạng vuông	HWDP20A	182,000
	Công tắc 45A có đèn báo dạng vuông	HWDP45A	246,000
	Ổ cắm đơn 2 chấu dạng vuông	HWDP2PS	76,000
	Ổ cắm đôi 2 chấu dạng vuông	HWDP2G2PS	103,000
	Công tắc đơn 1 chiều + ổ cắm đơn 2 chấu dạng vuông	HWDP1G1W2P	109,000
	Công tắc đơn 2 chiều + ổ cắm đơn 2 chấu dạng vuông	HWDP1G2W2P	116,000
	Công tắc đơn 1 chiều + ổ cắm đôi 2 chấu dạng vuông	HWDP1G1W22P	132,000
	Công tắc đơn 2 chiều + ổ cắm đôi 2 chấu dạng vuông	HWDP1G2W22P	137,000
	Ổ cắm đơn 2 chấu + 1 cổng USB dạng vuông	HWDP2PUSB	268,000
	Ổ cắm đơn 2 chấu + 2 cổng USB dạng vuông	HWDP2P2USB	364,000
	Ổ cắm đơn tivi dạng vuông	HWDP2TV	126,000
	Ổ cắm đôi tivi dạng vuông	HWDP2TV	139,000

CÔNG TẮC, Ổ CẮM DÂN DỤNG PRIME V2		THIẾT BỊ ĐIỆN TÂY BAN NHA	
Hình ảnh	Mô Tả	Mã Hàng	Đơn Giá VND
    	Ổ cắm đơn điện thoại dạng vuông	HWDPTEL	58,000
	Ổ cắm đơn mạng dạng vuông	HWDP2COM	62,000
	Ổ cắm đôi điện thoại dạng vuông	HWDP2TEL	133,000
	Ổ cắm đôi mạng dạng vuông	HWDP2COM	175,000
	Ổ cắm mạng + điện thoại dạng vuông	HWDP2COMTEL	150,000
	Ổ cắm tivi + điện thoại dạng vuông	HWDP2TVTEL	116,000
	Núm xoay điều chỉnh quạt 300W dạng vuông	HWDPFS3	200,000
	Núm xoay điều chỉnh quạt 500W dạng vuông	HWDPFS5	256,000
	Núm xoay điều chỉnh đèn 300W dạng vuông	HWDP3D3	200,000
	Núm xoay điều chỉnh đèn 500W dạng vuông	HWDP3D5	256,000
	Công tắc điều chỉnh đèn 1000W dạng vuông	HWDP3D10	350,000
	Công tắc điều chỉnh đèn 1500W dạng vuông	HWDP3D15	409,000

Ghi chú: Giá trên đã bao gồm VAT 10%.

Hình ảnh	Mô Tả	Mã Hàng	Đơn Giá VNĐ
	Công tắc đơn + núm xoay điều chỉnh quạt 300W dạng vuông	HWDP1GD3	391,000
	Công tắc đơn + núm xoay điều chỉnh quạt 500W dạng vuông	HWDP1GD5	469,000
	Công tắc điều khiển bằng vân tay	HWDPTD	185,000
	Công tắc điều khiển bằng giọng nói dạng vuông	HWDPVC	194,000
	Công tắc điều khiển bằng giọng nói tích hợp bảo cháy & tiết kiệm hiệu năng (loại 3 nhánh)	HWDPVC3L	308,000
	Công tắc điều khiển bằng giọng nói tích hợp bảo cháy và tiết kiệm hiệu năng (4 nhánh)	HWDPVC4L	323,000
	Chuông cửa tích hợp bộ dọn phòng/không làm phiền	HWDPHDND	293,000
	Cảm biến chuyển động	HWDPHB	430,000
	Cảm biến chuyển động tích hợp bảo cháy	HWDPHBF	552,000
	Ổ cắm thẻ ra vào khách sạn dạng vuông	HWDPHKC	529,000
	Mặt che chống nước	HHEWP55TP	266,000
	Ổ cắm đôi 2x 5 chấu dạng vuông	HWDP2MFS	288,000
	Ổ cắm đôi 2x5 chấu 2 cổng USB	HWDP2MFSN2USB	562,000
	Đế đơn giữ điện thoại	HWDPPIH	65,000
	Đế đơn giữ điện thoại màu vàng	HWDPPIHG	82,000
	Đế treo giữ điện thoại	HWDPPIHS	65,000
	Đế giữ điện thoại màu vàng	HWDPPIHSG	98,000
	Đế giữ đơn điện thoại màu vàng	HWDPPIHDG	149,000

Ổ CẮM ÂM SÀNG HIMEL

THIẾT BỊ ĐIỆN TÂY BAN NHÀ

Hình ảnh	Mô tả	Mã hàng	Đơn Giá VNĐ
	Mặt ổ cắm âm sàn 3 modum	HHEFS1A	1,074,000
	Mặt ổ cắm âm sàn chống nước 3modun	HHEFS1AW	1,406,000
	Mặt ổ cắm âm sàn đôi 3 modum	HHEFS22A	2,092,000
	Mặt ổ cắm âm sàn 4 modum	HHEFS2A	1,744,000
	Hạt ổ cắm âm sàn 2 chấu đơn dạng 1 modum	HHEFSF2	55,000
	Hạt ổ cắm âm sàn 3 chấu đơn dạng 2 modum	HHEFSF4	91,000

PHỤ KIỆN TỬ ĐIỆN FORT

THIẾT BỊ ĐIỆN FORT

Hình Ảnh	Mô Tả	Mã Hàng	Đơn Giá VNĐ
	Đèn báo pha màu đỏ	AD22-22DS RED	22,000
	Đèn báo pha màu vàng	AD22-22DS YELLOW	22,000
	Đèn báo pha màu xanh lá	AD22-22DS GREEN	22,000
	Đèn báo pha màu xanh dương	AD22-22DS BLUE	22,000
	Đèn báo Voltmeter màu đỏ	AD116-22DSV RED	65,000
	Đèn báo Voltmeter màu vàng	AD116-22DSV YELLOW	65,000
	Đèn báo Voltmeter màu xanh lá	AD116-22DSV GREEN	65,000
	Đèn báo Ampermeter màu đỏ	AD116-22DSA RED	140,000
	Nút nhấn màu đỏ	LA115-A5-01 RED	49,000
	Nút nhấn màu xanh	LA115-A5-10 GREEN	49,000
	Nút nhấn có đèn màu đỏ	LA115-A5-01D RED	118,000
	Nút nhấn có đèn màu xanh lá	LA115-A5-10D GREEN	118,000
	Công tắc xoay 2 vị trí	LA115-A5-10X	52,000
	Công tắc xoay 3 vị trí	LA115-A5-20XS	73,000
	Đèn Báo D22 220vac (Buzzer with lamp)	AD22-22MSD	68,000
	Bộ chuyển đổi Amper	SFT20-4	180,000
	Bộ chuyển đổi Vol	SFT20-7	180,000

Ghi chú: Giá trên đã bao gồm VAT 10%.

BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN HIMEL



PHỤ KIỆN TỬ ĐIỆN FORT

THIẾT BỊ ĐIỆN FORT

Hình Ảnh	Mô Tả	Mã Hàng	Đơn Giá VND
	Bộ hẹn giờ (Timer 220-240AC, 50/60Hz, 1min - 168h)	TP8A16	472,000
	Bộ hẹn giờ (Timer 24H 220vac)	SUL181H	521,000
	Gối đỡ Busbar SM 25-6	SM 25-6	13,000
	Gối đỡ Busbar SM 30-8mm	SM 30-8	14,000
	Gối đỡ Busbar SM 35-8mm	SM 35-8	17,000
	Gối đỡ Busbar SM 40-8mm	SM 40-8	19,000
	Gối đỡ Busbar SM 51-8mm	SM 51-8	20,000
	Gối đỡ Busbar SM 76-10mm	SM 76-10	41,000
	Bộ điều chỉnh nhiệt độ NO, 0°to +60°C	KTS 011-F	181,000
	Bộ điều chỉnh nhiệt độ NC, 0°to +60°C	KTO 011-F	181,000
	Bộ điều chỉnh nhiệt độ NC , NO, 0°to +60°C	ZR 011-F	364,000

PHỤ KIỆN TỬ ĐIỆN FORT

THIẾT BỊ ĐIỆN FORT

Hình Ảnh	Mô Tả	Mã Hàng	Đơn Giá VND
	Đồng hồ VOLTMETER size 96 x 96	FT-96V 500V	172,000
	Đồng hồ Amperemeter 0-50A/100A size 96 x 96	FT-96A 0-50A	
	Đồng hồ Amperemeter 0-100A/200A size 96 x 96	FT-96A 0-100A	
	Đồng hồ Amperemeter 0-150A/300A size 96 x 96	FT-96A 0-150A	
	Đồng hồ Amperemeter 0-200A/400A size 96 x 96	FT-96A 0-200A	
	Đồng hồ Amperemeter 0-250A/500A size 96 x 96	FT-96A 0-250A	
	Đồng hồ Amperemeter 0-300A/600A size 96 x 96	FT-96A 0-300A	
	Đồng hồ Amperemeter 0-400A/800A size 96 x 96	FT-96A 0-400A	
	Đồng hồ Amperemeter 0-500A/1000A size 96 x 96	FT-96A 0-500A	
	Đồng hồ Amperemeter 0-600A/1200A size 96 x 96	FT-96A 0-600A	
	Đồng hồ Amperemeter 0-800A/1600A size 96 x 96	FT-96A 0-800A	
	Đồng hồ Amperemeter (0-1000/2000A) size 96 x 96	FT-96A 0-1000A	
	Đồng hồ Amperemeter (0-1200/2400A) size 96 x 96	FT-96A 0-1200A	
	Đồng hồ Amperemeter (0-1600/3200A) size 96 x 96	FT-96A 0-1600A	
	Đồng hồ Amperemeter (0-2000/4000A) size 96 x 96	FT-96A 0-2000A	
	Đồng hồ Amperemeter (0-2500/5000A) size 96 x 96	FT-96A 0-2500A	
	Đồng hồ Amperemeter (0-3000/6000A) size 96 x 96	FT-96A 0-3000A	
	Đồng hồ Amperemeter (0-4000/8000A) size 96 x 96	FT-96A 0-4000A	
	Đồng hồ VOLTMETER size 72 x 72	FT-72V, 500V	166,000
	Đồng hồ Amperemeter 0-50A/100A size 72 x 72	FT-72A 0-50A	
	Đồng hồ Amperemeter 0-100A/200A size 72 x 72	FT-72A 0-100A	
	Đồng hồ Amperemeter 0-150A/300A size 72 x 72	FT-72A 0-150A	
	Đồng hồ Amperemeter 0-200A/400A size 72 x 72	FT-72A 0-200A	
	Đồng hồ Amperemeter 0-250A/500A size 72 x 72	FT-72A 0-250A	
	Biến dòng 30/5 cl.0,5	MSQ-30, 10x30,30	115,000
	Biến dòng 50/5 cl.0,5	MSQ-30, 10x30,50	
	Biến dòng 100/5 cl.0,5	MSQ-30, 10x30,100	
	Biến dòng 150/5 cl.0,5	MSQ-30, 10x30,150	
	Biến dòng 200/5 cl.0,5	MSQ-30, 10x30,200	
	Biến dòng 250/5 cl.0,5	MSQ-30, 10x30,250	131,000
	Biến dòng 300/5 cl.0,5	MSQ 40, 10x40,300	
	Biến dòng 400/5 cl.0,5	MSQ 40, 10x40,400	
	Biến dòng 500/5 cl.0,5	MSQ 40, 10x40,500	
	Biến dòng 600/5 cl.0,5	MSQ 40, 10x40,600	
	Biến dòng 800/5 cl.0,5	MSQ 60, 10x60,800	270,000
	Biến dòng 1000/5 cl.0,5	MSQ 60, 10x60,1000	287,000
	Biến dòng 1200/5 cl.0,5	MSQ 60, 10x60,1200	
	Biến dòng 800/5 cl.0,5	MSQ 100, 10x100/30x80,800	481,000
	Biến dòng 1000/5 cl.0,5	MSQ 100,10x100/30x80,1000	
	Biến dòng 1200/5 cl.0,5	MSQ 100,10x100/30x80,1200	
	Biến dòng 1600/5 cl.0,5	MSQ 100,10x100/30x80,1600	
	Biến dòng 2000/5 cl.0,5	MSQ 100,10x100/30x80,2000	
	Biến dòng 2500/5 cl.0,5	MSQ 100,10x100/30x80,2500	659,000
	Biến dòng 3000/5 cl.0,5	MSQ 100,10x100/30x80,3000	732,000
	Biến dòng 4000/5 cl.0,5	MSY 130 4000A	1,092,000
	Biến dòng 5000/5 cl.0,5	MSY 130 5000A	1,322,000
	Biến dòng 6000/5 cl.0,5	MSY 130 6300A	1,531,000
	Biến dòng hở (SPLIT CORE) 400A	MSQ-580FT, 50x80 400A	1,480,000
	Biến dòng hở (SPLIT CORE) 500A	MSQ-580FT, 50x80 500A	1,498,000
	Biến dòng hở (SPLIT CORE) 600A	MSQ-580FT, 50x80 600A	1,516,000
	Biến dòng hở (SPLIT CORE) 800A	MSQ-580FT, 50x80 800A	1,571,000
	Biến dòng hở (SPLIT CORE) 1000A	MSQ-880FT, 80x80 1000A	1,735,000
	Biến dòng hở (SPLIT CORE) 1200A	MSQ-812FT, 80x100,1200	1,810,000
	Biến dòng hở (SPLIT CORE) 1200A	MSQ-812FT, 80x120,1200	2,010,000
	Biến dòng hở (SPLIT CORE) 1500A	MSQ-812FT, 80x120,1500	2,035,000
	Biến dòng hở (SPLIT CORE) 1600A	MSQ-812FT, 80x120,1600	2,138,000
	Biến dòng hở (SPLIT CORE) 2000A	MSQ-812FT, 80x120,2000	2,297,000
	Biến dòng hở (SPLIT CORE) 2500A	MSQ-816FT, 80x160,2500	4,138,000
	Biến dòng hở (SPLIT CORE) 3000A	MSQ-816FT, 80x160,3000	4,318,000
	Biến dòng hở (SPLIT CORE) 4000A	MSQ-816FT, 80x160,4000	4,760,000
	Biến dòng hở (SPLIT CORE) 5000A	MSQ-816FT, 80x160,5000	5,222,000

Ghi chú: Giá trên đã bao gồm VAT 10%.